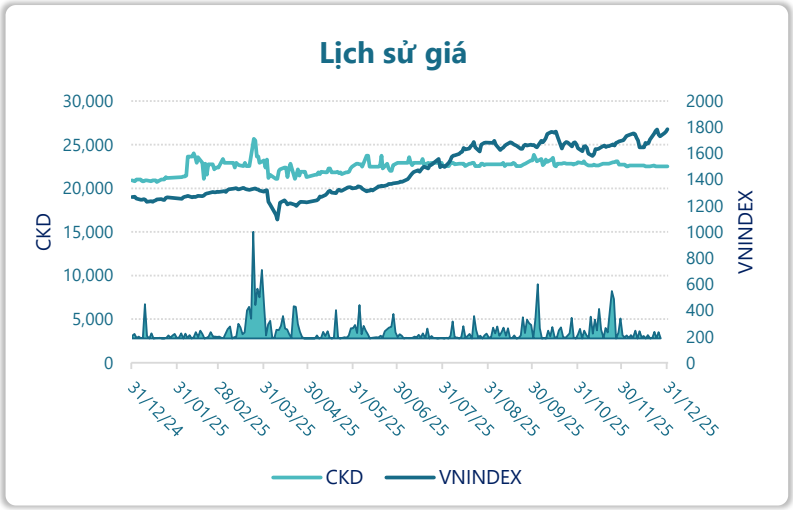
FireAnt

CTCP Cơ khí Đông Anh Licogi (UPCOM: CKD)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**22,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	25,667
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,717
SL cổ phiếu LH	31,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,250
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	698
P/E	5.7
EPS	3,919

DT thuần

Q4/25

544

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 223| 69.6%

YoY: ▼40.0| -6.8%

LN sau thuế

Q4/25

97.7

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 89.7| 1119%

YoY: ▲ 84.5| 640%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

11.5%

+/- YoY: ▲ 2.1%

DT thuần

2025

1,292

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 37.0| 3.0%

LN sau thuế

2025

122

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 24.1| 24.2%

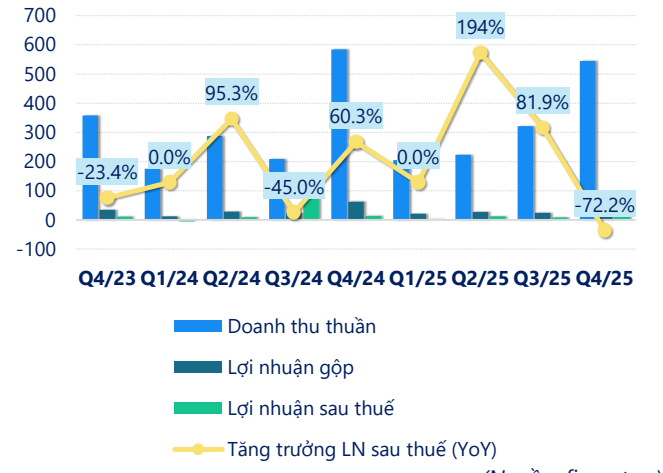
ROE

2025

21.7%

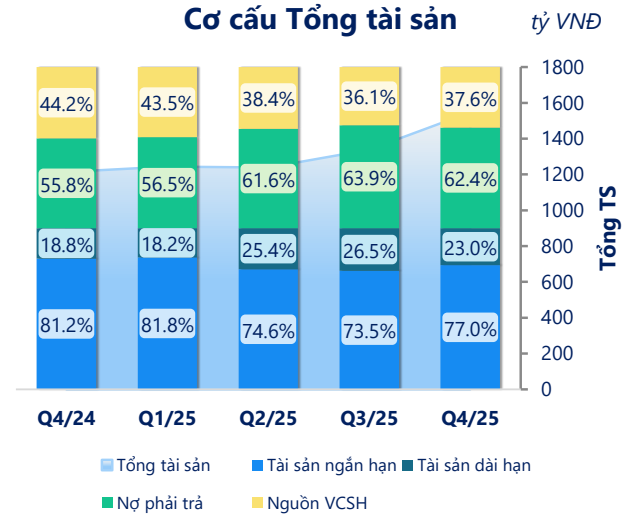
+/- YoY: ▲ 3.0%

Kết quả kinh doanh



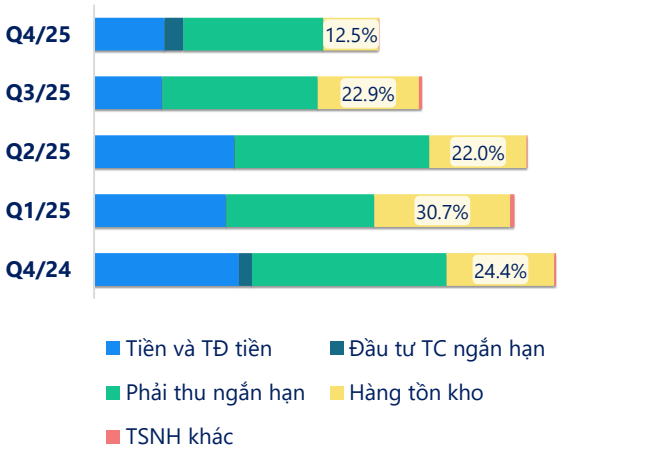
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



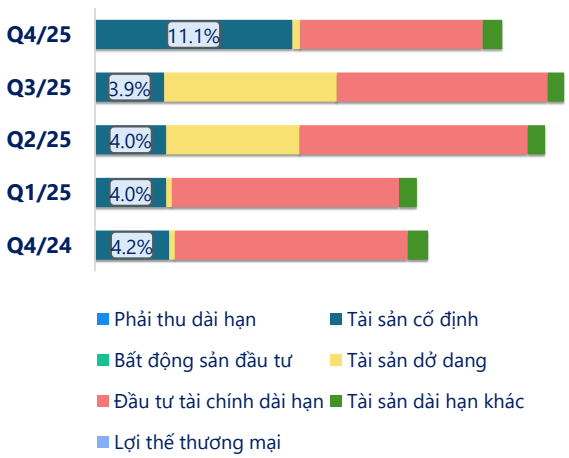
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



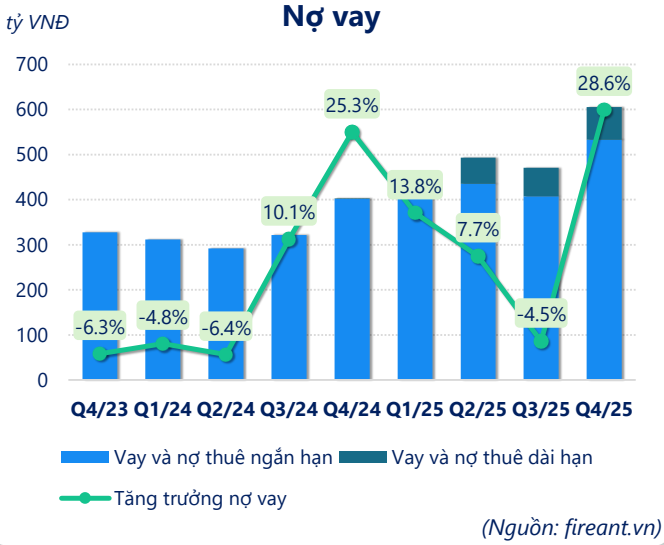
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



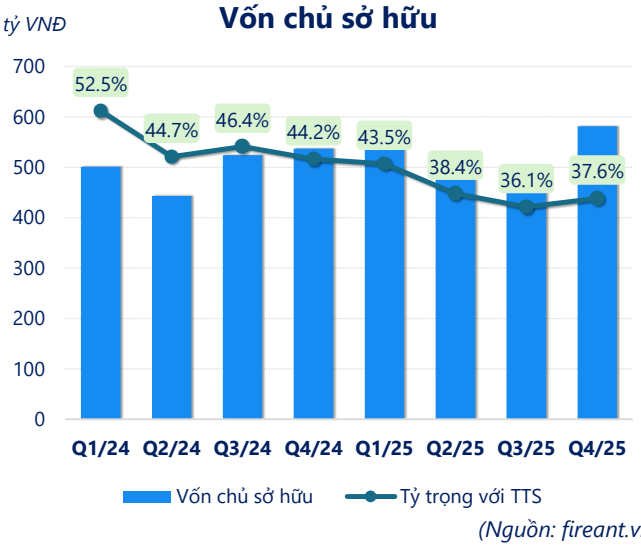
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



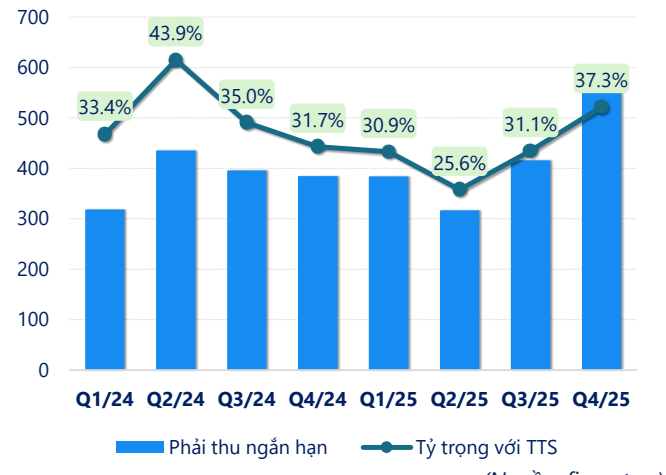
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



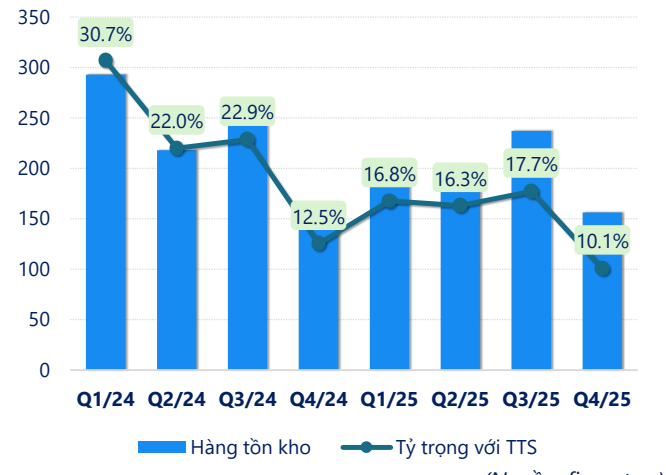
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



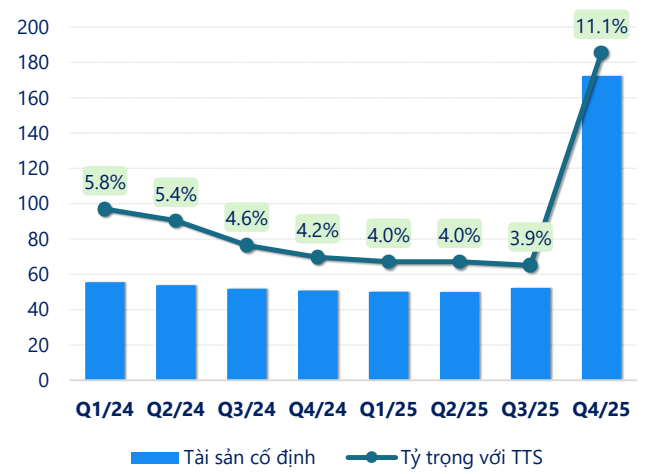
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



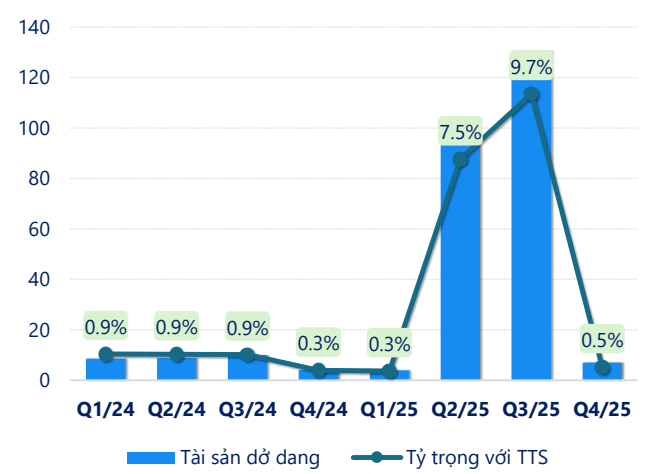
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



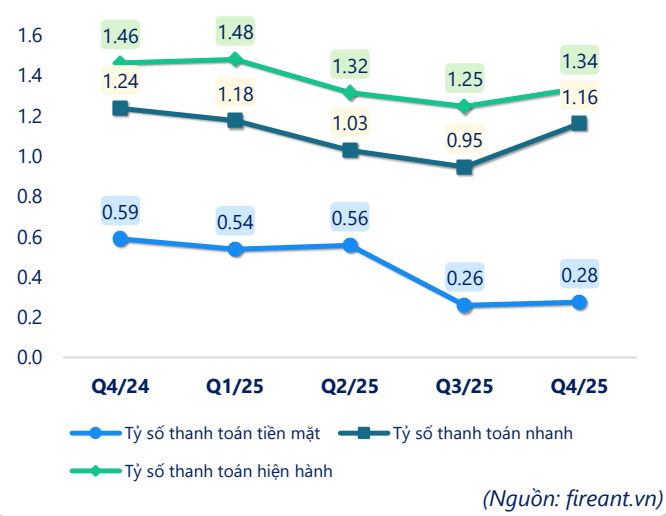
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



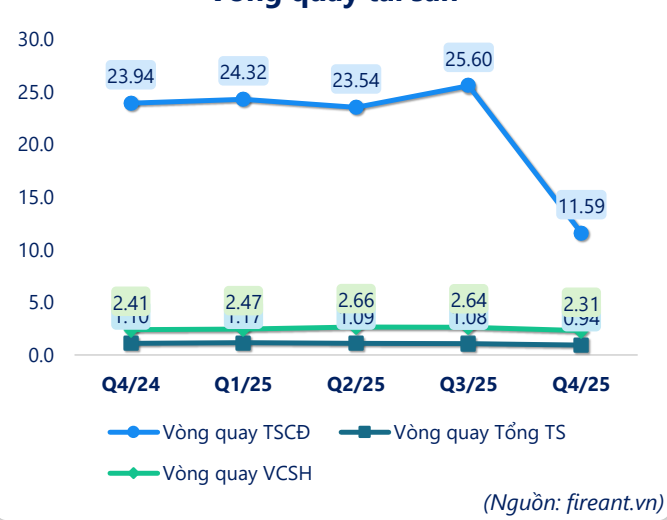
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**1,214**	**1,243**	**1,238**	**1,339**	**1,547**
Tài sản ngắn hạn	**986**	**1,017**	**924**	**984**	**1,192**
Tiền và tương đương tiền	397	370	392	205	245
Đầu tư tài chính ngắn hạn	51.3	51.3	1.30	111	211
Phải thu ngắn hạn	384	384	317	416	577
Hàng tồn kho	152	209	202	237	156
Tài sản ngắn hạn khác	1.01	3.39	12.5	15.4	1.99
Tài sản dài hạn	**228**	**226**	**315**	**354**	**355**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	50.8	50.1	49.9	52.3	172
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	4.05	3.89	93.1	130	6.97
Đầu tư tài chính dài hạn	159	159	159	159	159
Tài sản dài hạn khác	14.1	12.6	12.4	12.6	17.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**677**	**703**	**763**	**855**	**966**
Nợ ngắn hạn	**674**	**687**	**702**	**789**	**891**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	402	445	435	408	533
Phải trả người bán ngắn hạn	165	103	78.2	172	173
Nợ dài hạn	3.57	15.8	61.4	66.3	75.4
Vay và nợ thuê dài hạn	0.88	13.4	58.2	63.5	72.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	**537**	**540**	**475**	**483**	**581**
Vốn chủ sở hữu	**537**	**540**	**475**	**483**	**581**
Vốn điều lệ	310	310	310	310	310
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)